

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Thu G.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Minh T và bà Nguyễn Thị Ngọc H

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị T - Thư ký TAND huyện V

- Đại diện VKSND huyện V, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H
- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2023 về việc “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 11/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mai P; sinh năm: 1998

HKTT: thôn V, xã V, huyện V, tỉnh H

Chỗ ở: thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh H

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, SN: 1988

HKTT; chỗ ở: thôn V, xã V, huyện V, tỉnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày: 19/01/2015

Cháu Nguyễn Duy D, sinh ngày 13/5/2017

HKTT: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Lê Khánh L và cháu Nguyễn Duy D: Anh Nguyễn Văn T (là bố đẻ) và chị Lê Thị Mai P (là mẹ đẻ).

Người làm chứng:

Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh H.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lê Thị Mai P trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, thường trú thôn V, xã V, huyện V, tỉnh H tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã V ngày 18/10/2016. Trước khi kết hôn chị và anh T có thời gian tìm hiểu, ngày 20/3/2024 hai gia đình tổ chức lễ cưới cho anh chị nhưng chưa đăng ký kết hôn vì chị chưa đủ tuổi. Sau ngày cưới, vợ chồng chị ở tại gia đình chồng cùng bố mẹ chồng, một thời gian sau gia đình cho vợ chồng ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà. Chị làm công nhân ở công ty còn anh T làm thợ sơn tự do. Chị và anh T chung sống bình thường đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị phát hiện anh T chơi ma túy đá, anh đi làm nhưng ít đưa tiền cho chị chi tiêu sinh hoạt, chị khuyên giải thì anh T cáu gắt, vợ chồng hay cãi chửi nhau, có lần anh T đánh chị. Chị đã cố gắng chịu đựng để nuôi con, để giữ hạnh phúc gia đình nhưng anh T không nghe lời khuyên của chị, vẫn chơi ma túy đá và hay đi chơi hơn. Khoảng tháng 5/2023 chị và anh T xảy ra cãi nhau, do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể chung sống cùng nhau được, chị ra ngoài thuê nhà trọ ở, đến tháng 9/2023 chị về nhà bố mẹ để ở. Trước khi chị ra ở trọ chị và anh T sống cùng nhà nhưng đã ly thân. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh T có liên hệ bảo chị về nhưng chị không về vì chị và anh T chung sống với nhau không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Hiện nay chị và anh T không còn quan tâm gì đến nhau và chị không còn tình cảm với anh T, chị và anh T không thể đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày 19/01/2015 và cháu Nguyễn Duy D, sinh ngày 13/5/2017. Từ khi vợ chồng ly thân anh T không cho chị mang các con theo và cũng ngăn cấm chị gặp các cháu, không cho các cháu nghe điện thoại của chị. Khi biết chị xin ly hôn anh T mới cho chị gặp và đón con đi chơi.

Chị đề nghị Tòa án giao cho chị chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, giao anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D đến khi các cháu đủ 18 tuổi, hai bên đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung, đất nông nghiệp: Vợ chồng chị không có gì chung, chị không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn của vợ chồng anh đúng như chị P trình bày. Vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn từ tháng 4/2023, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh phát hiện chị P có quan hệ ngoại tình, vợ chồng từ đó xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ngày 13/5/2023 vợ chồng anh xảy ra cãi nhau, chị P đã bỏ đi. Sau khi chị P bỏ đi anh có liên hệ bảo chị P quay về nhưng chị P không về. Anh và chị P ly thân từ đó cho đến nay anh không biết chị P ở đâu, làm gì. Mặc dù vợ chồng chung sống không hạnh phúc và đã ly thân hơn một năm nay nhưng anh không đồng ý ly hôn, vì các con anh tha thứ cho chị P nếu chị P quay về đoàn tụ. Anh thừa nhận có sử dụng ma túy đá nhưng đã không sử dụng khoảng 2 tháng nay.

Về con chung: Anh và chị P có hai con chung như chị P trình bày. Từ khi vợ chồng anh ly thân 2 cháu ở với anh, chị P không quan tâm, không thăm nom, cấp dưỡng. Nếu ly hôn Anh đề nghị Tòa án giao 2 cháu cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý giao con cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đã nhận được Thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện V triệu tập anh đến làm việc về đơn ly hôn của chị P, nhưng do anh bận đi làm không thể đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Người làm chứng bà Phạm Thị H2 - Mẹ đẻ chị P cho biết: Tháng 4/2023 bà mới biết vợ chồng anh T chị P mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh T sử dụng ma túy đá và anh T không vừa ý việc chị P đi liên hoan với công ty. Anh T thừa nhận sử dụng ma túy từ trước khi lấy chị P. Hai bên gia đình yêu cầu anh T cam kết không sử dụng ma túy, anh T hứa sẽ bỏ dần. Sau đó tháng 5/2024 vợ chồng anh T, chị P xảy ra cãi nhau, chị P đã ra ngoài ở trọ, đến tháng 9/2023 chị P về ở với gia đình bà. Gia đình đã khuyên bảo chị P quay về chung sống cùng anh T để cùng nhau nuôi dạy các con, nhưng chị P xác định không quay về chung sống cùng anh T được và xin ly hôn với anh T. Do bận công việc nên bà xin vắng mặt khi Tòa án hòa giải, xét xử vụ kiện.

Kết quả xác minh với trưởng thôn V và UBND xã V thể hiện: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Mai P đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã V ngày 18/10/2016. Vợ chồng anh chị ở tại gia đình anh T ở thôn V. Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày 19/01/2015 và cháu Nguyễn Duy D, sinh ngày 13/5/2017. Anh T và chị P đã sống ly thân khoảng hơn một năm nay. Hiện anh T và hai con ở tại thôn V, xã V, chị P ở nhà bố mẹ đẻ. Anh T là đối tượng sử dụng ma túy, không chịu lao động.

Do anh T đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải vụ án được và phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị Mai P và bị đơn anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được Hội đồng xét xử tiến hành đảm bảo đúng quy định.

Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án chưa chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P, cho chị Lê Thị Mai P được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày 19/01/2015 cho chị P nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu Nguyễn Duy D, sinh ngày 13/5/2017 cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị P, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về công sức, tài sản chung, nợ chung và đất nông nghiệp chấp nhận yêu cầu của chị P và anh T không giải quyết. Về án phí, nguyên đơn chị P phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị P về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn T thường trú tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh H. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ kiện vắng mặt những người này là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy:

Chị Lê Thị Mai P và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được UBND xã V, huyện V, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 18/10/2016, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, chị P, anh T đều xác nhận anh T sử dụng ma túy đá, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Anh T, chị P đã cố gắng để hòa hợp, hai bên gia đình đã động viên khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không giải quyết được. Do mâu thuẫn trầm trọng anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (con chung của chị P, anh T), người làm chứng và chính quyền địa phương cũng xác nhận tình trạng hôn nhân của anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân hơn một năm. Anh T không đồng ý ly hôn muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh không có hành động cụ thể nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, quá trình Tòa án giải quyết và hòa giải anh không có mặt thể hiện anh không thực sự mong muốn đoàn tụ. Như vậy, xác định tình cảm vợ chồng giữa chị P, anh T đã không còn, mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, quan hệ vợ chồng trên thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn với anh T của chị P là có căn cứ, phù hợp với pháp luật và thực tế tình trạng hôn nhân, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị P cho chị P được ly hôn anh T để hai bên ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung:

Chị P và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày 19/01/2015 và cháu Nguyễn Duy D, sinh ngày 13/5/2017. Hiện nay anh T đang chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Chị P đề nghị được nuôi dưỡng cháu L, anh T đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu, cả hai anh chị đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị P, anh T là chính đáng. HĐXX xét thấy: Chị P và anh T đều có khả năng lao động, cả hai anh chị đều thương yêu, chăm sóc các con không ai có hành vi ảnh hưởng đến quyền lợi và sự phát triển của các con nên anh chị đều đủ điều kiện nuôi con. Nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng các con là quyền cũng đồng thời là nghĩa vụ của bố và mẹ. Do đó việc giao con cho bố mẹ trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn, ngoài đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, phải đảm bảo để bố mẹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy cần giao cho chị P chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, giao anh T

chăm sóc nuôi dưỡng cháu D là phù hợp với điều kiện của anh chị, phù hợp về sự phát triển thể chất và tâm sinh lý của các cháu sau này và quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị P, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về công sức, tài sản chung, nợ chung và đất nông nghiệp: Chị P và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên sẽ không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229; Điều 235; Điều 266; Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Luật phí và lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mai P, chị Lê Thị Mai P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lê Khánh L, sinh ngày 19/01/2015 đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy D, sinh ngày 13/5/2017 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn không ai được cản trở, ngăn cấm chị P, anh T thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì quyền lợi của con chung, chị P, anh T đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về công sức, tài sản chung, công nợ chung và đất nông nghiệp: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Mai P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001285 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, chị P đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt tất cả các đương sự, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh HY.
- VKSND huyện V.
- Chi cục THADS huyện V.
- UBND xã V (ĐKKH số 60 ngày 18/10/2016)
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Vũ Thu G